



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Đà Nẵng

Số 10 + 11

Ngày 1 tháng 10 năm 2023

MỤC LỤC

	Trang
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ	
21/09/2023 Nghị quyết số 53/NQ-HĐND Về đồ án quy hoạch phân khu Sinh thái phía Tây - Khu vực thuộc phường Hoà Hiệp Bắc, tỷ lệ 1/2.000	3
21/09/2023 Nghị quyết số 54/NQ-HĐND Về việc quyết định chủ trương đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống giám sát điều khiển giao thông thông minh tại thành phố Đà Nẵng	6
21/09/2023 Nghị quyết số 55/NQ-HĐND Về việc quyết định chủ trương đầu tư Dự án Cải tạo hệ thống thoát nước và hạ ngầm cáp thông tin, điện chiếu sáng trên tuyến đường Hùng Vương và đường Lý Thái Tổ	9
21/09/2023 Nghị quyết số 56/NQ-HĐND Về việc quyết định chủ trương đầu tư Dự án Hiện đại hóa Trung tâm chỉ huy kết hợp hệ thống camera phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự giao thông và các phần mềm quản lý thông minh (giai đoạn 1)	12
21/09/2023 Nghị quyết số 57/2023/NQ-HĐND Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố	16

21/09/2023	Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND Quy định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	19
21/09/2023	Nghị quyết số 59/NQ-HĐND Về dự toán kinh phí thực hiện công tác quản lý, vận hành Trạm xử lý nước thải Ngũ Hành Sơn và Sơn Trà - Giai đoạn 1 trong thời gian 05 năm (từ năm 2023 đến năm 2027)	29
21/09/2023	Nghị quyết số 60/2023/NQ-HĐND Quy định về chính sách hỗ trợ đào tạo văn bằng đại học thứ hai ngành Luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thành phố Đà Nẵng	31

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về đồ án quy hoạch phân khu Sinh thái phía Tây - Khu vực thuộc
phường Hoà Hiệp Bắc, tỷ lệ 1/2.000**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG KHÓA X,
NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 13 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 11/3/2022 của HĐND thành phố về nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng các khu chức năng;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 156/TTr-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc quyết định đồ án quy hoạch phân khu Sinh thái phía Tây - Khu vực phường Hoà Hiệp Bắc, tỷ lệ 1/2000; Báo cáo thẩm tra số 195/BC-ĐT ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh tên đồ án quy hoạch phân khu từ “phân khu xây dựng Khu du lịch khu vực phường Hoà Hiệp Bắc thuộc phân khu sinh thái phía Tây, tỷ lệ 1/2.000” thành “phân khu Sinh thái phía Tây - Khu vực thuộc phường Hoà Hiệp Bắc, tỷ lệ 1/2.000”.

Điều 2. Thống nhất chủ trương về quy hoạch phân khu các khu chức năng¹ thuộc đồ án phân khu Sinh thái phía Tây - Khu vực phường Hoà Hiệp Bắc.

Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo các nội dung tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 11/3/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố; Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; các quy định pháp luật về xây dựng, quy hoạch đô thị, đất đai, đầu tư, di sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 13 (Kỳ họp chuyên đề) biểu quyết thông qua.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám

¹ Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018.

sát việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 13 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 21 tháng 9 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Bộ Xây dựng;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố; đại biểu HĐND thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- VP UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy, HĐND huyện Hòa Vang;
- UBND, UBMTTQ Việt Nam các quận, huyện;
- HĐND xã, UBND phường, xã;
- Báo ĐN, Đài PT-TH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Chuyên đề CA TPĐN, Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Lương Nguyễn Minh Triết

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quyết định chủ trương đầu tư
Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống giám sát điều khiển
giao thông thông minh tại thành phố Đà Nẵng**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 13 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc chủ trương đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống giám sát điều khiển giao thông thông minh tại thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 197/BC-ĐT ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống giám sát điều khiển giao thông thông minh tại thành phố Đà Nẵng với các nội dung chủ yếu như sau:

- Mục tiêu đầu tư:** Từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng và áp dụng các giải pháp giám sát điều khiển giao thông thông minh tiên tiến, hiện đại trên cơ sở tận dụng tối đa hạ tầng đã và đang được đầu tư; xây dựng Trung tâm Điều khiển giao thông (TMC) nhằm cung cấp các dịch vụ cho các nhu cầu quản lý điều khiển giao thông; tuân theo kiến trúc tổng thể thành phố thông minh thành phố Đà Nẵng và Kiến

trúc Trung tâm Giám sát điều hành thành phố thông minh được phê duyệt.

2. Quy mô đầu tư:

Đầu tư xây dựng hệ thống giám sát điều khiển giao thông thông minh tại thành phố Đà Nẵng với nội dung và quy mô đầu tư chủ yếu như sau:

- Đầu tư hệ thống thiết bị ngoại vi tại các nút giao thông và trên các trục đường, cầu có mật độ lưu thông cao với mục tiêu trước mắt có thể đảm bảo các nhiệm vụ sau:

+ Nâng cấp, kết nối dữ liệu điều khiển đèn tín hiệu giao thông hiện có về Trung tâm điều hành tập trung để phục vụ điều khiển giao thông thông minh.

+ Thiết bị cảm biến, đo đếm lưu lượng giao thông, cung cấp dữ liệu thời gian thực cho điều khiển giao thông thông minh, tối ưu chiến lược đèn tín hiệu.

- Tận dụng hệ thống hạ tầng truyền dẫn (cáp quang hiện đã đầu tư hoặc được đầu tư ở các dự án khác), bổ sung các điểm truyền dẫn không dây kết nối toàn bộ hệ thống về trung tâm điều hành chung; hệ thống giám sát thông minh điều khiển xe buýt, nhà chờ vận tải công cộng thành phố.

- Nâng cấp Trung tâm điều hành đèn tín hiệu giao thông và Vận tải công cộng (DATRAMAC) trở thành Trung tâm giám sát, điều hành và xử lý tập trung, đa nhiệm vụ các lĩnh vực thuộc ngành giao thông vận tải. Đầu tư hệ thống máy chủ cơ sở dữ liệu và ứng dụng; trang bị hệ thống thiết bị (màn hình, máy tính, thiết bị bảo mật, thiết bị cấp điện, thiết bị văn phòng, thiết bị phụ trợ, ...) phục vụ điều hành Trung tâm giám sát, điều khiển giao thông; đầu tư mua sắm phần mềm giám sát điều khiển giao thông và phần mềm hệ điều hành khác.

- Đào tạo, nâng cao năng lực cho các đơn vị có chức năng khai thác, quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống giám sát điều khiển giao thông, vận tải hành khách công cộng của thành phố Đà Nẵng.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B

4. Tổng mức đầu tư không quá: 180.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tám mươi tỷ đồng chẵn*)

5. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách thành phố

6. Địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Đà Nẵng

7. Thời gian thực hiện dự án: Trong giai đoạn 2023-2026

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 13 (Kỳ họp chuyên đề) biểu quyết thông qua.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố lập thủ tục liên quan để triển khai thực hiện dự án nêu trên theo đúng quy định; chỉ đạo thực hiện các nội dung lưu ý theo Báo cáo thẩm tra số 197/BC-ĐT ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 13 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 21 tháng 9 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố; đại biểu HĐND thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- VP UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy, HĐND huyện Hòa Vang;
- UBND, UBMTTQ Việt Nam các quận, huyện;
- HĐND xã, UBND phường, xã;
- Báo ĐN, Đài PT-TH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Chuyên đề CA TPĐN, Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Lương Nguyễn Minh Triết

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc quyết định chủ trương đầu tư

**Dự án Cải tạo hệ thống thoát nước và hạ ngầm cáp thông tin,
điện chiếu sáng trên tuyến đường Hùng Vương và đường Lý Thái Tổ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG KHÓA X,
NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 13 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 150/TTr-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2023 của UBND thành phố về việc chủ trương đầu tư dự án Cải tạo hệ thống thoát nước và hạ ngầm cáp thông tin, điện chiếu sáng trên tuyến đường Hùng Vương và đường Lý Thái Tổ; Báo cáo thẩm tra số 196/BC-ĐT ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án Cải tạo hệ thống thoát nước và hạ ngầm cáp thông tin, điện chiếu sáng trên tuyến đường Hùng Vương và đường Lý Thái Tổ với các nội dung chủ yếu như sau:

- Mục tiêu đầu tư:** Đầu tư Cải tạo hệ thống thoát nước và hạ ngầm cáp thông tin, điện chiếu sáng trên tuyến đường Hùng Vương và đường Lý Thái Tổ nhằm góp phần tăng mỹ quan đô thị, đáp ứng với yêu cầu phát triển du lịch, kinh tế, đồng thời phục vụ dân sinh, nâng cao đời sống nhân dân, phát triển kinh tế khu vực.

2. Quy mô đầu tư:

Cải tạo hệ thống thoát nước, giao thông và hạ ngầm cáp thông tin, điện chiếu sáng trên tuyến đường Hùng Vương và đường Lý Thái Tổ với các nội dung chính như sau:

- Cải tạo, nâng cấp xây dựng mới hệ thống thoát nước mưa bố trí đi dưới lòng đường với khẩu độ tuyến cống B = (2,0 - 2,5)m, tổng chiều dài khoảng 1.140m.

- Xây mới thoát nước thải dọc trên vỉa hè để thu gom nước thải của các hộ dân hai bên đường trên toàn tuyến.

- Đầu tư cải tạo, xây mới bó vỉa, vỉa hè trên toàn tuyến.

- Hạ ngầm, nâng cấp cải tạo hệ thống điện chiếu sáng trên toàn tuyến.

- Đầu tư xây dựng cống, bể kỹ thuật, hạ ngầm cáp thông tin đối với các tuyến cáp do các đơn vị của nhà nước sở hữu từ nguồn vốn ngân sách thành phố (và các đơn vị viễn thông khác phải chủ động đầu tư hạ ngầm các tuyến cáp do mình quản lý theo tiến độ thực hiện của dự án).

- Cây xanh: Tận dụng một số cây xanh hiện trạng đã trồng đúng vị trí, chủng loại, sinh trưởng tốt; chặt hạ các cây hiện trạng phát triển không đúng vị trí, cong vẹo, các loại cây hạn chế trồng. Cây xanh trồng mới trên tuyến đường theo danh mục các loại cây được phép trồng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Cấp nước: Tận dụng lại hệ thống cấp nước hiện trạng còn tốt, di dời, sửa chữa các đoạn trùng hạ tầng kỹ thuật, hư hỏng.

- Bổ sung hòng cứu hỏa, phòng cháy chữa cháy đảm bảo theo đúng quy định.

- Khớp nối giao thông, thoát nước các đường ngang; hoàn trả nền mặt đường và hạ tầng kỹ thuật khác bị ảnh hưởng.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

4. **Tổng mức đầu tư không quá:** 96.864.272.000 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi sáu tỷ, tám trăm sáu mươi bốn triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng*)

5. **Nguồn vốn đầu tư:** Vốn ngân sách thành phố.

6. **Địa điểm thực hiện dự án:** Quận Hải Châu, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

7. **Thời gian thực hiện dự án:** Trong giai đoạn 2023-2025

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 13 (Kỳ họp chuyên đề) biểu quyết thông qua.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố lập thủ tục liên quan để triển khai thực hiện dự án nêu trên theo đúng quy định; chỉ đạo thực hiện các nội dung lưu ý theo Báo cáo thẩm tra số 196/BC-ĐT ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 13 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 21 tháng 9 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố; đại biểu HĐND thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- VP UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy, HĐND huyện Hòa Vang;
- UBND, UBMTTQ Việt Nam các quận, huyện;
- HĐND xã, UBND phường, xã;
- Ban quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên TP;
- Báo ĐN, Đài PT-TH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Chuyên đề CA TPĐN, Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Lương Nguyễn Minh Triết

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: /NQ-HĐND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quyết định chủ trương đầu tư
Dự án Hiện đại hóa Trung tâm chỉ huy kết hợp hệ thống camera
phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự giao thông
và các phần mềm quản lý thông minh (giai đoạn 1)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG KHÓA X,
NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 13 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015,
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Đầu tư công ngày 11 tháng 01 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 121/TTr-UBND
ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc chủ trương đầu tư Dự án Hiện đại hóa Trung
tâm chỉ huy kết hợp hệ thống camera phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự
giao thông và các phần mềm quản lý thông minh (giai đoạn 1); Báo cáo thẩm tra
số 198/BC-ĐT ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân
thành phố và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án Hiện đại hóa Trung tâm chỉ huy kết hợp hệ thống camera phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự giao thông và các phần mềm quản lý thông minh (giai đoạn 1) với các nội dung chủ yếu như sau:

- Mục tiêu đầu tư:** Triển khai đầu tư đồng bộ và bước đầu hoàn thiện hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự, an toàn giao thông với các chức năng thông minh,

hệ thống bảo mật cao; công nghệ hiện đại, tích hợp dữ liệu đồng bộ, kết nối chia sẻ dữ liệu (có thể dùng chung, phù hợp với mục tiêu và tiêu chí để xây dựng thành phố thông minh, đảm bảo yêu cầu mở và dễ dàng nâng cấp mở rộng khi cần thiết), giám sát cảnh báo, đáp ứng các yêu cầu chủ động ứng phó trong mọi tình huống, nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội, an toàn giao thông trên địa bàn thành phố.

2. Quy mô đầu tư:

Đầu tư giai đoạn 1 dự án Hiện đại hóa trung tâm thông tin chỉ huy kết hợp hệ thống camera phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự giao thông và các phần mềm thông minh với nội dung và quy mô đầu tư chủ yếu như sau:

- Hiện đại hoá Trung tâm thông tin chỉ huy với các hệ thống máy chủ, tường màn hình, trang thiết bị phục vụ nghiệp vụ thu thập, quản lý, xử lý và điều hành, chỉ huy tác chiến, hệ thống thông tin liên lạc, các phần mềm xử lý dữ liệu; kết nối Trung tâm điều hành thành phố thông minh.

- Đầu tư xây dựng Trung tâm lưu trữ, khai thác dữ liệu tập trung với các hệ thống máy chủ dữ liệu, tính toán hiệu năng cao cho ứng dụng trí tuệ nhân tạo, các ứng dụng phần mềm thông minh, lưu trữ dữ liệu, hệ thống bảo mật và hạ tầng phụ trợ... kết nối, chia sẻ dữ liệu cho các phân khu ứng với các nhiệm vụ khác nhau theo mô hình Trung tâm thông tin chỉ huy. Việc chia sẻ dữ liệu cho Trung tâm điều hành thành phố thông minh và cơ quan ban ngành có liên quan trên cơ sở đảm bảo an ninh quốc gia, an toàn và bảo mật thông tin.

- Trang bị hệ thống thiết bị phục vụ giám sát tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tại các trụ sở công an quận, huyện trên địa bàn thành phố, kết nối Trung tâm thông tin chỉ huy trong công tác chỉ đạo điều hành xử lý các tình huống ứng phó khẩn cấp.

- Xây dựng mạng lưới thiết bị giám sát thông minh tại các nút giao thông, tuyến đường quan trọng, các tuyến đường có nguy cơ tiềm ẩn tai nạn giao thông, các cửa ngõ vào ra thành phố và các vị trí trọng điểm giám sát an ninh (trụ sở Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố; sân bay; nhà ga; bến xe; chợ; phố đi bộ; quảng trường; tại các điểm nóng về an ninh trật tự an toàn xã hội...).

- Về truyền dẫn, chỉ đầu tư đối với các vị trí chưa có mạng cáp của Sở Giao thông vận tải, mạng đô thị thành phố.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư không quá: 404.580.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ bốn tỷ, năm trăm tám mươi triệu đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách thành phố.**6. Địa điểm thực hiện dự án:** Thành phố Đà Nẵng.**7. Thời gian thực hiện dự án:** Trong giai đoạn 2023-2026.**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 13 (Kỳ họp chuyên đề) biểu quyết thông qua.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố lập thủ tục liên quan để triển khai thực hiện dự án nêu trên theo đúng quy định; chỉ đạo thực hiện các nội dung lưu ý theo Báo cáo thẩm tra số 198/BC-ĐT ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 13 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 21 tháng 9 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Các Bộ: Công an, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố; đại biểu HĐND thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- VP UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy, HĐND huyện Hòa Vang;
- UBND, UBMTTQ Việt Nam các quận, huyện;
- HĐND xã, UBND phường, xã;
- Công an thành phố;
- Báo ĐN, Đài PT-TH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Chuyên đề CA TPĐN, Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH**Lương Nguyễn Minh Triết**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: /2023/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát
và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 153/TTr-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 285/BC-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này ban hành quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;

b) Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện;

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành;

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo chỉ đạo, yêu cầu, kế hoạch.

Điều 2. Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Phụ lục đính kèm.

Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện

1. Kinh phí đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng do ngân sách nhà nước đảm bảo và được tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách.

2. Đối với công tác tự kiểm tra văn bản theo quy định tại Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và công tác rà soát văn bản khi phát sinh căn cứ rà soát theo quy định tại Điều 142 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP thì kinh phí thực hiện được sử dụng từ nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên của cơ quan thực hiện việc tự kiểm tra, rà soát văn bản.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2023.
2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.
3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện quy trình kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định, làm cơ sở để áp dụng các mức chi cho phù hợp.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua tại Kỳ họp thứ 13 ngày 21 tháng 9 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH đơn vị thành phố Đà Nẵng;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy; HĐND huyện;
- UBND, UBMTTQVN các quận, huyện;
- HĐND xã; UBND phường, xã;
- Báo Đà Nẵng, Đài PT-TH Đà Nẵng,
Trung tâm THVN (VTV8), Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH**Lương Nguyễn Minh Triết**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: /2023/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG KHOÁ X, NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Xét Tờ trình số 152/TTr-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 286/BC-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2023.

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

3. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết ngày được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua tại Kỳ họp thứ 13 ngày 21 tháng 9 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Vụ Pháp chế: Bộ Tài chính, Bộ KH&CN;
- Cục Kiểm tra VB QPPL-Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH đơn vị thành phố Đà Nẵng;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy; HĐND huyện;
- UBND, UBMTTQVN các quận, huyện;
- HĐND xã; UBND phường, xã;
- Báo Đà Nẵng, Đài PT-TH Đà Nẵng,
Trung tâm THVN (VTV8), Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH**Lương Nguyễn Minh Triết**

QUY ĐỊNH

Định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

I. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết quy định định mức lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

b) Những nội dung khác làm căn cứ để xây dựng dự toán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành của nhà nước khác có liên quan; Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

II. Quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

1. Định mức làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm vụ khoa học và công nghệ tối đa không quá 40 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ

khoa học và công nghệ cấp thành phố và tối đa không quá 20 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

Trong trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không đủ một tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của số ngày tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của chức danh hoặc nhóm chức danh tương ứng. Mức thù lao ngày được tính trên cơ sở mức thù lao của một tháng chia cho 22 ngày. Các chức danh hoặc nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và hệ số lao động khoa học của các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Thông tư số 02/2023/TT-BKH-CN.

Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có) theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày).

b) Chi thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

Thuê chuyên gia trong nước: Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước thì tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia để thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung công việc và dự toán thuê chuyên gia. Căn cứ lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

Thuê chuyên gia ngoài nước: Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước thì tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thuyết minh rõ sự

cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo biên bản thương thảo nội dung yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia giữa tổ chức đăng ký chủ trì và chuyên gia ngoài nước. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại **điểm a** khoản 1 Điều này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

Việc xác định các trường hợp áp dụng dự toán thuê chuyên gia trong nước và thuê chuyên gia ngoài nước vượt mức quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.

c) Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí, Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Nghị quyết số 240/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại thành phố Đà Nẵng, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn thành phố;

Ngoài ra, Nghị quyết quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

STT	Nội dung chi	Mức chi (tối đa)	
		Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1	Người chủ trì	2.000.000 đồng/buổi	1.000.000 đồng/buổi
2	Thư ký	500.000 đồng/buổi	250.000 đồng/buổi
3	Báo cáo viên	3.000.000 đồng/báo cáo	1.500.000 đồng/báo cáo
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	1.500.000 đồng/báo cáo	750.000 đồng/báo cáo
5	Thành viên tham gia	300.000 đồng/thành viên/buổi	150.000 đồng/thành viên/buổi

d) Chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có): Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này của Nghị quyết này.

đ) Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/nhiệm vụ đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố và không quá 150 triệu đồng/nhiệm vụ đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Định mức chi cho công tác quản lý nhiệm vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

TT	Nội dung chi	Mức chi (tối đa)	
		Mức chi (tối đa) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố	Mức chi (tối đa) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Chi tiền thù lao		
1.1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
-	Chủ tịch hội đồng	1.500.000 đồng/người/hội đồng	750.000 đồng/người/hội đồng
-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng	1.000.000 đồng/người/hội đồng	500.000 đồng/người/hội đồng

-	Thư ký khoa học	300.000 đồng/người/hội đồng	150.000 đồng/người/hội đồng
-	Thư ký hành chính	300.000 đồng/người/hội đồng	150.000 đồng/người/hội đồng
-	Đại biểu được mời tham dự	200.000 đồng/người/hội đồng	100.000 đồng/người/hội đồng
b	Chi nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	500.000 đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá	250.000 đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng	700.000 đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá	350.000 đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện		
-	Chủ tịch hội đồng	700.000 đồng/người/nhiệm vụ	350.000 đồng/người/nhiệm vụ
-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng	500.000 đồng/người/nhiệm vụ	250.000 đồng/người/nhiệm vụ
1.2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
-	Chủ tịch Hội đồng	1.800.000 đồng/người/hội đồng	900.000 đồng/người/hội đồng
-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng	1.500.000 đồng/người/hội đồng	750.000 đồng/người/hội đồng
-	Thư ký khoa học	300.000 đồng/người/hội đồng	150.000 đồng/người/hội đồng
-	Thư ký hành chính	300.000 đồng/người/hội đồng	150.000 đồng/người/hội đồng

-	Đại biểu được mời tham dự	200.000 đồng/người/hội đồng	100.000 đồng/người/hội đồng
b	Chi nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	700.000 đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá	350.000 đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng	1.000.000 đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá	500.000 đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá
1.3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu		
-	Chủ tịch hội đồng	1.800.000 đồng/người/nhiệm vụ	900.000 đồng/người/nhiệm vụ
-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng	1.500.000 đồng/người/nhiệm vụ	750.000 đồng/người/nhiệm vụ
-	Thư ký khoa học	300.000 đồng/người/nhiệm vụ	150.000 đồng/người/nhiệm vụ
-	Thư ký hành chính	300.000 đồng/người/nhiệm vụ	150.000 đồng/người/nhiệm vụ
-	Đại biểu được mời tham dự	200.000 đồng/người/nhiệm vụ	100.000 đồng/người/nhiệm vụ
b	Chi nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	700.000 đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá	350.000 đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng	1.000.000 đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá	500.000 đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá
1.4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng	1.500.000 đồng/chuyên gia	750.000 đồng/chuyên gia
2	Các nội dung chi khác	Xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật (nếu có).	

Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

b) Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

TT	Nội dung chi	Mức chi (tối đa)	
		Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Chi tiền thù lao		
a	Tổ trưởng tổ thẩm định	1.000.000 đồng/người/nhiệm vụ	500.000 đồng/người/nhiệm vụ
b	Thành viên tổ thẩm định	700.000 đồng/người/nhiệm vụ	350.000 đồng/người/nhiệm vụ
c	Thư ký hành chính	300.000 đồng/người/nhiệm vụ	150.000 đồng/người/nhiệm vụ
d	Đại biểu được mời tham dự	200.000 đồng/người/nhiệm vụ	100.000 đồng/người/nhiệm vụ
2	Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định	Xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.	

3. Thuê chuyên gia tư vấn độc lập (trong trường hợp cần thiết)

Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

Các trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND thành phố Đà Nẵng về quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức các cuộc hội nghị đối

với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

III. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí chi sự nghiệp khoa học và công nghệ được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh phí huy động khác ngoài ngân sách (nếu có)/.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Đ
ộc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán kinh phí thực hiện công tác quản lý, vận hành
Trạm xử lý nước thải Ngũ Hành Sơn và Sơn Trà - Giai đoạn 1
trong thời gian 05 năm (từ năm 2023 đến năm 2027)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 13**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính
phủ về thoát nước và xử lý nước thải;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính
phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ
công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Xét Tờ trình số 148/TTr-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân thành phố về kinh phí thực hiện công tác quản lý, vận hành Trạm xử lý nước
thải Ngũ Hành Sơn và Sơn Trà - Giai đoạn 1 trong thời gian 05 năm; Báo cáo
thẩm tra số 288/BC-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân
sách và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Đà
Nẵng tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất dự toán kinh phí thực hiện công tác quản lý, vận hành trong thời gian 05 năm (từ năm 2023 đến năm 2027) đối với Trạm xử lý nước thải Sơn Trà - Giai đoạn 1 và Trạm xử lý nước thải Ngũ Hành Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ và Luật Đấu thầu năm 2013, cụ thể:

1. Dự toán kinh phí quản lý, vận hành trong thời gian 05 năm (từ năm 2023 đến năm 2027) đối với Trạm xử lý nước thải Sơn Trà - Giai đoạn 1: 76.730.540.000

đồng (*Bảy mươi sáu tỷ, bảy trăm ba mươi triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn*), trong đó:

a) Kinh phí quản lý, vận hành: 76.554.000.000 đồng.

b) Kinh phí tổ chức lựa chọn nhà thầu: 176.540.000 đồng.

2. Dự toán kinh phí quản lý, vận hành trong thời gian 05 năm (từ năm 2023 đến năm 2027) đối với Trạm Xử lý nước thải Ngũ Hành Sơn: 73.912.500.000 đồng (*Bảy mươi ba tỷ, chín trăm mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị UBND thành phố chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện công tác đấu thầu và thanh quyết toán nguồn kinh phí đảm bảo đúng quy định của pháp luật; trình HĐND thành phố quyết định dự toán ngân sách hàng năm phù hợp với tình hình thực tiễn; lưu ý chủ động xử lý các vấn đề liên quan trong trường hợp hụt thu ngân sách khi ký kết hợp đồng thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này đạt kết quả tốt.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng, khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 21 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ; VP Chủ tịch nước;
- Vụ pháp chế Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy; UBND, UBMTTQVN các quận, huyện; HĐND huyện Hòa Vang;
- Đảng ủy, UBND các phường, xã; HĐND các xã;
- Báo Đà Nẵng, Chuyên đề CA TPĐN, Đài PT-TH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Lương Nguyễn Minh Triết

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2023/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định về chính sách hỗ trợ đào tạo văn bằng đại học thứ hai ngành Luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thành phố Đà Nẵng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG KHÓA X,
NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ 13 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 151/TTr-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về chính sách hỗ trợ đào tạo văn bằng đại học thứ hai ngành Luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 261/BC-BPC ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ đào tạo văn bằng đại học thứ hai ngành Luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thành phố Đà Nẵng.

2. Đối tượng áp dụng

Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức, đang làm việc trong các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quy định về hình thức, địa điểm đào tạo, điều kiện cử đi đào tạo, kinh phí trợ cấp tốt nghiệp, trách nhiệm và nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức được hưởng trợ cấp tốt nghiệp văn bằng đại học thứ hai ngành Luật

1. Hình thức và địa điểm đào tạo

- a) Hình thức đào tạo: Vừa học vừa làm (học ngoài giờ hành chính).
- b) Địa điểm đào tạo: Mở lớp đào tạo tập trung tại thành phố Đà Nẵng do trường đại học chuyên ngành về pháp luật đào tạo.

2. Điều kiện được cử đi đào tạo

a) Có trình độ từ đại học trở lên với chuyên ngành không thuộc nhóm ngành Luật.

b) Về thời gian công tác: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) và thời gian công tác còn lại sau khi hoàn thành chương trình đào tạo văn bằng đại học thứ hai ngành Luật phải đủ ít nhất 05 năm công tác (đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý) hoặc ít nhất 10 năm công tác (đối với công chức, viên chức chuyên môn) tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định.

c) Có ít nhất 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

d) Được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt danh sách đủ điều kiện cử đi đào tạo.

đ) Đối tượng ưu tiên cử đi đào tạo theo thứ tự sau:

- Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý;
- Công chức, viên chức chuyên môn đang đảm nhiệm vị trí việc làm trực tiếp tham mưu nghiên cứu xây dựng các văn bản pháp luật và thường xuyên áp dụng pháp luật trong thực thi nhiệm vụ. Giao Ủy ban nhân dân thành phố xem

xét, quyết định đối tượng ưu tiên cử đi đào tạo phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách của thành phố.

3. Kinh phí trợ cấp tốt nghiệp và mức trợ cấp tốt nghiệp văn bằng đại học thứ hai ngành Luật

a) Kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện trợ cấp tốt nghiệp văn bằng đại học thứ hai ngành Luật đối với cán bộ, công chức, viên chức do ngân sách thành phố cấp để triển khai thực hiện.

b) Mức trợ cấp tốt nghiệp

Cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng điều kiện tại khoản 2 Điều này có nhu cầu tham gia chương trình đào tạo văn bằng đại học thứ hai ngành Luật thì được hưởng trợ cấp tốt nghiệp một lần với kinh phí bằng 50% học phí (không bao gồm kinh phí phát sinh do học lại, thi lại) sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

4. Quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức được cử tham gia đào tạo văn bằng đại học thứ hai ngành Luật

Được cơ quan có thẩm quyền cử tham gia đào tạo văn bằng đại học thứ hai ngành Luật và được hưởng trợ cấp tốt nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

5. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức được cử tham gia đào tạo văn bằng đại học thứ hai ngành Luật

a) Tự sắp xếp thời gian hợp lý, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và tự túc kinh phí tham gia đào tạo văn bằng đại học thứ hai ngành Luật (trừ kinh phí được thành phố trợ cấp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này).

b) Thực hiện nghiêm quy chế đào tạo và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo trong thời gian tham gia khóa học.

c) Cam kết làm việc tại các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc thành phố quản lý trong thời gian ít nhất 02 năm sau khi tốt nghiệp.

d) Trong quá trình cử đi đào tạo văn bằng đại học thứ hai ngành Luật, nếu cán bộ, công chức, viên chức không tham gia đào tạo, tự ý bỏ học hoặc không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp thì không được giải quyết chế độ trợ cấp tốt nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này và không được xem xét cử đi đào tạo ở các khóa sau (nếu có).

đ) Trường hợp đã hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp văn bằng tốt nghiệp khóa học nhưng thôi việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm

việc khi chưa phục vụ đủ thời gian công tác theo cam kết tại điểm c Khoản này thì đền bù toàn bộ kinh phí trợ cấp tốt nghiệp đã được nhận.

e) Thực hiện các quy định của Trung ương và thành phố về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các văn bản khác có liên quan.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2023.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ 13 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 21 tháng 9 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND TP, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH, UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy, UBND quận, huyện;
- Thường trực HĐND huyện Hòa Vang;
- Đảng ủy, UBND các phường, xã; HĐND các xã;
- Báo Đà Nẵng, Đài PT-TH ĐN, Trung tâm TTVN (VTV8), Chuyên đề CA TPĐN, Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Lương Nguyễn Minh Triết

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng xuất bản

Địa chỉ: 24 Trần Phú - Đà Nẵng

Điện thoại: 0511. 3893777

Fax: 0511.3 821286

Email: congbao@danang.vnn.vn

Website: <https://congbao.danang.gov.vn>

In tại: Công ty Cổ phần In Bưu điện